

Vợ chồng sống với nhau hạnh phúc được hơn 03 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do không cùng quan điểm sống dẫn đến vợ chồng hay cãi nhau. Anh D thường xuyên chơi cờ bạc, gây nợ nần, anh D bán nhiều tài sản trong gia đình để trả nợ. Ngoài ra anh D còn có quan hệ với người phụ nữ khác, mẹ chồng là người phát hiện và nói lại cho chị T. Chị T đã nhiều lần khuyên ngăn nhưng anh D vẫn chứng nào tật nấy, không thay đổi. Tháng 3/2019, do không chịu đựng được nữa nên chị T bỏ về nhà mẹ ruột sống đến nay. Trong thời gian không sống chung thì vợ chồng cũng không liên lạc với nhau để bàn bạc hàn gắn hạnh phúc. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nữa và nguyện vọng của chị là yêu cầu xin được ly hôn với anh Nguyễn Hồng D.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Ngọc Kiều M, sinh ngày 11/9/2014.

Hiện nay con đang ở cùng chị T. Khi ly hôn, chị T yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi con. Chị T không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con vì chị đủ khả năng tự nuôi con.

- Về tài sản và nợ chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, do anh Nguyễn Hồng D vắng mặt nên yêu cầu Tòa giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tòa án cùng chính quyền địa phương đã nhiều lần đến nhà anh Nguyễn Hồng D để tổng đạt các văn bản tố tụng, anh D cố tình lẩn tránh, vắng mặt nên Tòa án không thể tiến hành các thủ tục tố tụng như ghi lời khai, lập Biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và Biên bản hòa giải nên Tòa xét xử vắng mặt đối với anh D theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền:

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn anh Nguyễn Hồng D. Bị đơn có địa chỉ và sinh sống ở xã U, huyện H, tỉnh Bình Thuận nên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận, được pháp luật quy định tại Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. *Về tố tụng*: Xét bị đơn anh Nguyễn Hồng D đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án theo quy định của pháp luật, nhưng vẫn vắng mặt 02 lần tại phiên tòa không có lý do nên căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn anh Nguyễn Hồng D.

[3]. *Về nội dung*:

+ *Về hôn nhân*: Hôn nhân của chị Dương Thị T và anh Nguyễn Hồng D có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã U, huyện H, tỉnh Bình Thuận theo giấy chứng nhận kết hôn số 38/2014, quyển số 01/2014 của Ủy ban nhân dân xã U, huyện H, đây là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị T, Hội đồng xét xử thấy rằng: Trong vụ án này chị T khai ra nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do không cùng quan điểm sống dẫn đến vợ chồng hay cãi nhau. Anh D thường xuyên chơi cờ bạc, gây nợ nần, anh D bán nhiều tài sản trong gia đình để trả nợ. Ngoài ra anh D còn có quan hệ với người phụ nữ khác, mẹ chồng là người phát hiện và nói lại cho chị T. Chị T đã nhiều lần khuyên ngăn nhưng anh D vẫn chứng nào tật nấy, không thay đổi. Tháng 3/2019, do không chịu đựng được nữa nên chị T bỏ về nhà mẹ ruột sống đến nay. Trong thời gian không sống chung thì vợ chồng cũng không liên lạc với nhau để bàn bạc hàn gắn hạnh phúc. Xét mâu thuẫn của chị T và anh D đã lâm vào tình trạng trầm trọng, thể hiện qua việc khi Tòa án thông báo về yêu cầu ly hôn của chị T thì anh D không có ý kiến hay động tác gì để hàn gắn mà bỏ mặc; khi Tòa án tổ chức hòa giải đoàn tụ thì anh D vắng mặt không tham dự. Việc anh D không có ý kiến khi chị T xin ly hôn, không tham dự phiên hòa giải, phiên tòa vừa vi phạm nghĩa vụ bị đơn vừa đánh mất cơ hội hòa giải đoàn tụ tại Tòa án. Chứng tỏ, anh D không có thiện chí hòa giải tình cảm để hàn gắn quan hệ vợ chồng với chị T, mâu thuẫn vợ chồng của anh, chị không được cải thiện, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T.

+ *Về con chung*: Vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Ngọc Kiều M, sinh ngày 11/9/2014. Hiện nay con đang sống cùng chị T.

Khi ly hôn, chị T yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh D cấp dưỡng vì chị đủ khả năng để nuôi con.

Xét yêu cầu của chị T Hội đồng xét xử thấy rằng: Cháu M còn nhỏ chưa đủ tuổi để hỏi nguyện vọng, cháu M từ khi sinh ra đến nay chị T là người trực tiếp nuôi dưỡng và trong thời gian qua chị T nuôi dưỡng con tốt. Việc chị T yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung là hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

+ Về tài sản: Không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

+ Về nợ chung: Không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4]. *Về án phí*: Chị Dương Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Anh Nguyễn Hồng D không phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 70, Điều 143, Điều 144, Điều 145, Điều 146, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Dương Thị T và anh Nguyễn Hồng D.
2. Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Ngọc Kiều M , sinh ngày 11/9/2014 cho chị Dương Thị T trực tiếp nuôi dưỡng.

Về mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng: Anh Nguyễn Hồng D không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh Nguyễn Hồng D được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con và cấp dưỡng nuôi con khi cần thiết.

3. Về tài sản và nợ: Không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Dương Thị T phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm. Chị Dương Thị T đã nộp đủ 300.000đ theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số 0026697 ngày 29 tháng 5 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Bình Thuận, nên không phải nộp nữa.

Anh Nguyễn Hồng D không phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Quyền kháng cáo của chị Dương Thị T là 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án (ngày 19/9/2019).

Riêng anh Nguyễn Hồng D vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết công khai tại địa phương.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận.
- Viện kiểm sát nhân dân huyện H.
- Thi hành án dân sự huyện H.
- Các đương sự.
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên Tòa

Nguyễn Thị Tâm